

Số: /2025/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi
trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo

thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Gia Lai (kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10; kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa) và các cuộc thi, hội thi do ngành giáo dục và đào tạo tổ chức trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo.
- b) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ.

Điều 2. Nội dung chi, mức chi

1. Các nội dung, mức chi để tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia cấp trung học phổ thông được thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Các nội dung, mức chi để tổ chức các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, kỳ thi cuối khóa tiếng dân tộc thiểu số được thực hiện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Các nội dung, mức chi tiền ăn, ở cho học sinh tham gia bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện và dự thi các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp khu vực, quốc gia thực hiện theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Các nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10, kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa, cuộc thi, hội thi ở cấp trường trực thuộc Sở, các xã, phường và các trường thuộc các xã, phường được thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Những nội dung không được quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông. Khi các văn bản quy định, viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Điều khoản thi hành

- 1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025.

4. Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định; Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 quy định về mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại các kỳ thi giáo dục phổ thông ở tỉnh Gia Lai và Nghị quyết số 69/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 quy định về nội dung chi, mức chi đặc thù để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh Gia Lai của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII Kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng năm 2025.

Nơi nhận:

- Như Điều 3.
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đăng tải công báo điện tử cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT(01), CTHĐ (4).

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

PHỤ LỤC

Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai

PHỤ LỤC 1

CÁC NỘI DUNG, MỨC CHI ĐỀ TỔ CHỨC CÁC KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT, THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA CẤP THPT

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi đề xuất	Ghi chú
1	Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Ban chỉ đạo thi			
1.1	Trưởng ban	Nghìn đồng /người/ngày	1.530	Không quá 15 ngày
1.2	Phó Trưởng ban thường trực	Nghìn đồng /người/ngày	1.370	
1.3	Phó Trưởng ban	Nghìn đồng /người/ngày	1.220	
1.4	Ủy viên, Thư ký	Nghìn đồng /người/ngày	910	
2	Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Hội đồng thi tốt nghiệp THPT			
2.1	Chủ tịch	Nghìn đồng /người/ngày	1.370	
2.2	Phó Chủ tịch	Nghìn đồng /người/ngày	1.090	
2.3	Ủy viên	Nghìn đồng /người/ngày	820	
3	Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Hội đồng/Ban ra đề thi			
3.1	Chủ tịch/Trưởng ban	Nghìn đồng /người/ngày	1.150	Số ngày theo thực tế công việc
3.2	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Nghìn đồng /người/ngày	920	
3.3	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly	Nghìn đồng /người/ngày	690	
3.4	Công an, giám sát làm việc cách ly	Nghìn đồng /người/ngày	690	
3.5	Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ vòng ngoài	Nghìn đồng /người/ngày	460	
4	Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Hội đồng/Ban in sao đề thi			

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi đề xuất	Ghi chú
4.1	Chủ tịch/Trưởng ban	Nghìn đồng /người/ngày	1.150	Số ngày theo thực tế công việc
4.2	Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	Nghìn đồng /người/ngày	920	
4.3	Ủy viên, Thư ký, làm việc cách ly	Nghìn đồng /người/ngày	690	
4.4	Công an, giám sát làm việc cách ly	Nghìn đồng /người/ngày	690	
4.5	Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ vòng ngoài	Nghìn đồng /người/ngày	460	
5	Chi tiền công cho Ban Thư ký Hội đồng thi			
5.1	Trưởng ban	Nghìn đồng /người/ngày	1.150	Số ngày theo thực tế công việc
5.2	Phó Trưởng ban	Nghìn đồng /người/ngày	920	
5.3	Ủy viên	Nghìn đồng /người/ngày	690	
6	Chi tiền công cho Ban vận chuyển đề thi			
6.1	Trưởng ban	Nghìn đồng /người/ngày	1.150	Số ngày theo thực tế công việc
6.2	Phó Trưởng ban	Nghìn đồng /người/ngày	920	
6.3	Ủy viên	Nghìn đồng /người/ngày	690	
7	Chi tiền công cho Hội đồng/Ban coi thi/Điểm thi			
7.1	Chủ tịch/Trưởng ban	Nghìn đồng /người/ngày	1.150	Số ngày theo thực tế công việc
7.2	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban, Trưởng điểm thi	Nghìn đồng /người/ngày	920	
7.3	Phó Trưởng điểm thi	Nghìn đồng /người/ngày	800	
7.4	Ủy viên, thư ký, giám thi, kỹ thuật viên	Nghìn đồng /người/ngày	690	
7.5	Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ	Nghìn đồng /người/ngày	460	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi đề xuất	Ghi chú
8	Chi tiền công cho Ban làm phách			
8.1	Trưởng ban	Nghìn đồng /người/ngày	1.150	Số ngày theo thực tế công việc
8.2	Phó Trưởng ban	Nghìn đồng /người/ngày	920	
8.3	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly	Nghìn đồng /người/ngày	690	
8.4	Công an, giám sát làm việc cách ly	Nghìn đồng /người/ngày	690	
8.5	Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ vòng ngoài	Nghìn đồng /người/ngày	460	
9	Chi tiền công cho Hội đồng chấm thi /Ban chấm thi tự luận/Ban chấm thi trắc nghiệm			
9.1	Chủ tịch/Trưởng ban	Nghìn đồng /người/ngày	1.150	Số ngày theo thực tế công việc
9.2	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Nghìn đồng /người/ngày	920	
9.3	Ủy viên, thư ký	Nghìn đồng /người/ngày	690	
9.4	Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ	Nghìn đồng /người/ngày	460	
10	Chi tiền công cho Hội đồng phúc khảo/Ban phúc khảo tự luận/Ban phúc khảo trắc nghiệm			
10.1	Chủ tịch/Trưởng ban	Nghìn đồng /người/ngày	1.150	Số ngày theo thực tế công việc
10.2	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Nghìn đồng /người/ngày	920	
10.3	Ủy viên, thư ký, giám khảo	Nghìn đồng /người/ngày	690	
10.4	Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ	Nghìn đồng /người/ngày	460	
11	Chi tiền công ra đề thi			
11.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
11.1.1	Chủ trì	Nghìn đồng /người/ngày	1.150	Số ngày theo thực tế công việc

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi đề xuất	Ghi chú
11.1.2	Các thành viên	Nghìn đồng /người/ngày	920	
11.2	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận (Thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia)	Đề theo phân môn	1.000	
11.3	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm			
	Đề thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thi nói gồm 10 chủ đề)	Nghìn đồng /người/ngày	1.150	Không quá 15 ngày
12	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi			
12.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
12.1.1	Chủ trì	Nghìn đồng /người/ngày	1.150	Không quá 15 ngày
12.1.2	Các thành viên	Nghìn đồng /người/ngày	920	
12.2	Tiền công đối với câu hỏi			
12.2.1	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Câu hỏi	70	
12.2.2	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu hỏi	60	
12.2.3	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu hỏi	50	
12.2.4	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu hỏi	35	
12.2.5	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu hỏi	10	
12.3	Chi tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm			
12.3.1	Chủ trì	Nghìn đồng /người/ngày	1.150	Số ngày theo thực tế công việc
12.3.2	Các thành viên	Nghìn đồng /người/ngày	920	
13	Chi tiền công chấm bài thi			
13.1	Tiền công chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học đối với thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi chọn học sinh giỏi quốc gia	Nghìn đồng /người/ngày	920	40 bài /người/ ngày/ vòng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi đề xuất	Ghi chú
13.2	Tiền công chấm bài thi trắc nghiệm đối với thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi chọn học sinh giỏi quốc gia	Nghìn đồng /người/ngày	920	Số ngày theo thực tế công việc
13.3	Tiền công chấm phúc khảo bài thi tự luận tốt nghiệp trung học phổ thông, chấm phúc khảo bài thi chọn học sinh giỏi quốc gia	Nghìn đồng /người/ngày	920	Số ngày theo thực tế công việc
14	Chi tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp Quốc gia			
14.1	Tiền công cho biên soạn và giảng dạy lý thuyết, biên soạn và giảng dạy thực hành	Nghìn đồng /người/ngày	2.420	Chi theo thực tế
14.2	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Nghìn đồng /người/ngày	690	
14.3	Tiền công cho trợ lý thí nghiệm, thực hành	Nghìn đồng /người/ngày	690	
15	Chi tiền công cho công tác thanh tra, kiểm tra thi			
15.1	Trưởng đoàn	Nghìn đồng /người/ngày	1.150	Số ngày theo thực tế công việc
15.2	Phó trưởng đoàn	Nghìn đồng /người/ngày	920	
15.3	Tổ trưởng Tổ kiểm tra (tại điểm thi)	Nghìn đồng /người/ngày	800	
15.4	Thành viên đoàn	Nghìn đồng /người/ngày	690	
16	Chi tiền công làm đêm và trực đêm			
16.1	Tiền công làm đêm cho bộ phận trực tiếp in sao đề thi và bộ phận làm phách bài thi	Nghìn đồng /người/ngày	240	Số đêm theo thực tế công việc
16.2	Tiền công trực đêm cho cán bộ giữ đề thi và bài thi trong thời gian thi và chấm thi	Nghìn đồng /người/ngày	180	Số đêm theo thực tế công việc

PHỤ LỤC II

**CÁC NỘI DUNG, MỨC CHI ĐỂ TỔ CHỨC CÁC CUỘC THI, HỘI THI
CẤP TỈNH TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KỲ THI
CUỐI KHÓA TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ**

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
I	Tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức tại các cuộc thi, hội thi do cấp tỉnh tổ chức trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo			
1	Ban tổ chức			
1.1	Trưởng ban	Nghìn đồng /người/ngày	570	Số ngày theo thực tế công việc
1.2	Phó trưởng ban	Nghìn đồng /người/ngày	460	
1.3	Ủy viên, thành viên, thư ký	Nghìn đồng /người/ngày	340	
1.4	Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ	Nghìn đồng /người/ngày	230	
2	Ban ra đề, Ban coi thi, Ban chấm thi/Ban Giám khảo, hội đồng thẩm định			
2.1	Trưởng ban	Nghìn đồng /người/ngày	570	Số ngày theo thực tế công việc
2.2	Phó trưởng ban	Nghìn đồng /người/ngày	460	
2.3	Ủy viên, thành viên, thư ký	Nghìn đồng /người/ngày	340	
2.4	Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ	Nghìn đồng /người/ngày	230	
3	Các chức danh khác	Nghìn đồng /người/ngày	340	
II	Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân đạt giải tại các cuộc thi, hội thi do cấp tỉnh tổ chức trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo			
1	Tiền thưởng cho tập thể			
1.1	Giải nhất	Nghìn đồng /tập thể	2.340	

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1.2	Giải nhì	Nghìn đồng /tập thể	1.870	
1.3	Giải ba	Nghìn đồng /tập thể	1.400	
1.4	Giải tư/Khuyến khích	Nghìn đồng /tập thể	930	
	Tiền thưởng cho cá nhân			
2.1	Giải nhất	Nghìn đồng /cá nhân	1.170	
2.2	Giải nhì	Nghìn đồng /cá nhân	930	
2.3	Giải ba	Nghìn đồng /cá nhân	700	
2.4	Giải tư/Khuyến khích	Nghìn đồng /cá nhân	460	
III	Tiền công tập huấn các đội tuyển cấp tỉnh tham dự các cuộc thi, hội thi cấp khu vực và quốc gia			
1	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Nghìn đồng /người/ngày	340	Số ngày theo thực tế công việc
2	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết, thực hành	Nghìn đồng /người/ngày	1.210	
3	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Nghìn đồng /người/ngày	340	

PHỤ LỤC III

CÁC NỘI DUNG, MỨC CHI TIỀN ĂN, Ở CHO HỌC SINH THAM GIA BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN, HUẤN LUYỆN VÀ DỰ THI CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI CẤP KHU VỰC, QUỐC GIA

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	Hỗ trợ tiền ăn cho học sinh			
1.1	Trong thời gian tập trung tập huấn	Nghìn đồng /người/ngày	200	Không quá 30 ngày
1.2	Trong thời gian thi đấu	Nghìn đồng /người/ngày	300	Theo thời gian thực tế
2	Hỗ trợ tiền ở cho học sinh, trường hợp phải thuê chỗ ở			
2.1	Trong tỉnh	Nghìn đồng /người/ngày	300	Theo thời gian thực tế
2.2	Ngoài tỉnh	Nghìn đồng /người/ngày	400	Theo thời gian thực tế

PHỤ LỤC IV

I. Các Kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh

- Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 (thi tuyển), thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa được tính bằng 90% mức chi tại Phụ lục I.

- Tiền ăn, ở cho học sinh, huấn luyện viên tham gia bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện và dự thi các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh được tính bằng 90% mức chi tại Phụ lục III.

II. Đối với các xã/phường và các trường THPT

- Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi trong kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa được tính bằng 60% mức chi tại Phụ lục I;

- Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh được tính bằng 60% mức chi tại Phụ lục I.

- Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tổ chức các cuộc thi, hội thi do ngành giáo dục và đào tạo tổ chức được tính bằng 60% mức chi tại Phụ lục II.

- Tiền ăn, ở cho học sinh, huấn luyện viên tham gia bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện và dự thi các cuộc thi, hội thi cấp xã, phường và cấp trường THPT được tính bằng 80% mức chi tại Phụ lục III.

III. Đối với cấp trường thuộc xã/phường

- Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi trong kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa được tính bằng 40% mức chi tại Phụ lục I.

- Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp xã/phường (nếu có) được tính bằng 40% mức chi tại Phụ lục I.

- Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tổ chức các cuộc thi, hội thi do ngành giáo dục và đào tạo tổ chức được tính bằng 40% mức chi tại Phụ lục II.

- Tiền ăn, ở cho học sinh, huấn luyện viên tham gia bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện và dự thi các cuộc thi, hội thi cấp trường thuộc xã, phường được tính bằng 40% mức chi tại Phụ lục III.